**DANH MỤC VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM**

(Kèm theo Quyết định số: ..../QĐ-UBND ngày ...tháng...năm 2020 của UBND tỉnh Hà Nam)

**PHỤ LỤC 01: DANH MỤC VÙNG HẠN CHẾ 1**

| **STT** | **Tên vùng hạn chế** | **Đối tượng khoanh định** | **Phạm vi hành chính** | | **Diện tích vùng hạn chế (km2)** | **Tầng chứa nước hạn chế** | **Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xã/ Phường/ Thị trấn** | **Huyện /TP/ Thị xã** |
| 1 | TL-HC1A-01 | Điểm sụt lún tại núi Móng Rồng thuộc tiểu khu La Mát, tiểu khu Châu Giang | Kiện Khê | Thanh Liêm | 0,92 | t¤ | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có hiện tượng sụt lún:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 500m tính từ đường biên khu vực bị sụt, lún.  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 2 | DT-HC1B-01 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên | Mộc Bắc | Duy Tiên | 9,65 | qh£ | - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng. |
| 3 | DT-HC1B-02 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | Châu Giang | Duy Tiên | 10,31 | qh£, qp | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) trong tầng chứa nước qh1 và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có khai thác:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 4 | DT-HC1B-03 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên | Mộc Nam | Duy Tiên | 3,06 | qh£, qp | - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng. |
| 5 | DT-HC1B-04 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | Chuyên Ngoại | Duy Tiên | 5,57 | qh£, qp | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 6 | DT-HC1B-05 | Trác Văn | Duy Tiên | 3,27 | qp |
| 7 | DT-HC1B-06 | Hòa Mạc | Duy Tiên | 0,87 | qh£, qp |
| 8 | DT-HC1B-07 | Yên Bắc | Duy Tiên | 6,23 | qh£, qp |
| 9 | DT-HC1B-08 | Tiên Nội | Duy Tiên | 6,19 | qp |
| 10 | DT-HC1B-09 | Hoàng Đông | Duy Tiên | 5,09 | qp |
| 11 | PL-HC1B-13 | Tiên Tân | Phủ Lý | 3,96 | qp |
| 12 | DT-HC1B-10 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên | Tiên Ngoại | Duy Tiên | 6,40 | qh2,qp | - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng. |
| 13 | DT-HC1B-11 | Yên Nam | Duy Tiên | 5,94 | qh£, qp |
| 14 | PL-HC1B-14 | Tiên Hiệp | Phủ Lý | 4,35 | qp |
| 15 | PL-HC1B-15 | Tiên Hải | Phủ Lý | 3,47 | qp |
| 16 | DT-HC1B-12 | Tiên Sơn | Duy Tiên | 6,10 | qp |
| 17 | LN-HC1B-01 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên | Hợp Lý | Lý Nhân | 3,03 | qp | - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng. |
| 18 | LN-HC1B-02 | Văn Lý | Lý Nhân | 3,19 | qp |
| 19 | LN-HC1B-03 | Chính Lý | Lý Nhân | 3,53 | qp |
| 20 | LN-HC1B-04 | Nguyên Lý | Lý Nhân | 5,79 | qp |
| 21 | LN-HC1B-05 | Công Lý | Lý Nhân | 3,77 | qp |
| 22 | LN-HC1B-06 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | Vĩnh Trụ | Lý Nhân | 3,44 | qh£, qp | **+) Đối với tầng chứa nước qp:**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với tầng chứa nước qh1:**  1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 23 | LN-HC1B-07 | Đức Lý | Lý Nhân | 7,01 | qh£, qp |
| 24 | LN-HC1B-08 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên | Đạo Lý | Lý Nhân | 4,35 | qh£, qp | - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng. |
| 25 | LN-HC1B-09 | Chân Lý | Lý Nhân | 12,34 | qh£, qp |
| 26 | LN-HC1B-10 | Bắc Lý | Lý Nhân | 8,46 | qh£, qp |
| 27 | LN-HC1B-11 | Nhân Khang | Lý Nhân | 4,24 | qh£, qp |
| 28 | LN-HC1B-12 | Nhân Nghĩa | Lý Nhân | 6,12 | qh£, qp |
| 29 | LN-HC1B-13 | Nhân Đạo | Lý Nhân | 10,94 | qh£, qp |
| 30 | LN-HC1B-14 | Nhân Chính | Lý Nhân | 4,15 | qh£, qp |
| 31 | LN-HC1B-15 | Nhân Thịnh | Lý Nhân | 9,39 | qh£, qp |
| 32 | LN-HC1B-16 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | Nhân Mỹ | Lý Nhân | 6,82 | qh¤, qh1, qp | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 33 | LN-HC1B-17 | Nhân Bình | Lý Nhân | 5,63 | qh¤, qh1, qp |
| 34 | LN-HC1B-18 | Xuân Khê | Lý Nhân | 3,83 | qh£, qp |
| 35 | LN-HC1B-19 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên | Phú Phúc | Lý Nhân | 9,08 | qh£, qp | - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng. |
| 36 | LN-HC1B-20 | Tiến Thắng | Lý Nhân | 4,96 | qh£, qp |
| 37 | LN-HC1B-21 | Hòa Hậu | Lý Nhân | 4,64 | qh£, qp |
| 38 | BL-HC1B-01 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | An Ninh | Bình Lục | 4,57 | qh£, qh¤, qp | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 39 | BL-HC1B-02 | Bồ Đề | Bình Lục | 5,98 | qh£, qh¤, qp |
| 40 | BL-HC1B-03 | Vũ Bản | Bình Lục | 7,65 | qh£, qh¤, qp |
| 41 | BL-HC1B-04 | An Nội | Bình Lục | 6,10 | qh£, qh¤, qp |
| 42 | BL-HC1B-05 | Ngọc Lũ | Bình Lục | 2,43 | qh£, qh¤, qp |
| 43 | BL-HC1B-06 | Hưng Công | Bình Lục | 5,21 | qh£, qh¤, qp |
| 44 | BL-HC1B-07 | Bối Cầu | Bình Lục | 6,01 | qh£, qh¤, qp |
| 45 | BL-HC1B-08 | Trung Lương | Bình Lục | 7,73 | qh£, qh¤, qp |
| 46 | BL-HC1B-09 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên | Tiêu Động | Bình Lục | 9,24 | qh£, qp | - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng. |
| 47 | BL-HC1B-09 | Tiêu Động | Bình Lục | 6,13 | qh£, qp |
| 48 | BL-HC1B-11 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | An Đổ | Bình Lục | 6,87 | qh£, qp | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 49 | BL-HC1B-12 | La Sơn | Bình Lục | 6,71 | qh£, qp |
| 50 | BL-HC1B-13 | Bình Mỹ | Bình Lục | 6,25 | qh£, qp |
| 51 | BL-HC1B-14 | Đồn Xá | Bình Lục | 5,51 | qh£, qp |
| 52 | BL-HC1B-14 | Đồn Xá | Bình Lục | 6,71 | qh£, qp |
| 53 | BL-HC1B-16 | Đồng Du | Bình Lục | 5,49 | qh£, qp |
| 54 | PL-HC1B-16 | Trịnh Xá | Bình Lục | 5,17 | qh£, qp |
| 55 | PL-HC1B-17 | Đinh Xá | Bình Lục | 4,74 | qh£, qp |
| 56 | BL-HC1B-17 | Tràng An | Bình Lục | 6,41 | qh£, qp |
| 57 | BL-HC1B-18 | Bình Nghĩa | Bình Lục | 3,71 | qh£, qp |
| 58 | TL-HC1B-01 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | Thanh Hải | Thanh Liêm | 9,42 | qh£, qh¤, t¤ | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 59 | TL-HC1B-02 | Thanh Nguyên | Thanh Liêm | 5,66 | qh£, qh¤ |
| 60 | TL-HC1B-03 | Thanh Nghị | Thanh Liêm | 8,75 | qh£, qh¤, t¤ |
| 61 | TL-HC1B-04 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên | Thanh Tâm | Thanh Liêm | 5,16 | qh£, qh¤ | - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng. |
| 62 | TL-HC1B-05 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | Liêm Sơn | Thanh Liêm | 7,59 | qh£, qh¤ | **+) Đối với tầng chứa nước qh1 :**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với tầng chứa nước qh2:**  1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có.  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 63 | TL-HC1B-06 | Thanh Hương | Thanh Liêm | 7,50 | qh£, qh¤ |
| 64 | TL-HC1B-07 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên | Liêm Túc | Thanh Liêm | 5,49 | qh£ | - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng. |
| 65 | TL-HC1B-08 | Liêm Thuận | Thanh Liêm | 5,11 | qh£ |
| 66 | TL-HC1B-09 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | Thanh Tân | Thanh Liêm | 5,85 | qh£, t¤ | **+) Đối với tầng chứa nước qh1 :**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với tầng chứa nước qh2, t2:**  1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có.  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 67 | TL-HC1B-10 | Thanh Thủy | Thanh Liêm | 2,38 | qh£, qh¤, t¤ |
| 68 | TL-HC1B-11 | Thanh Phong | Thanh Liêm | 5,14 | qh£, qh¤ |
| 69 | TL-HC1B-12 | Tân Thanh | Thanh Liêm | 5,17 | qh£, qh¤ |
| 70 | TL-HC1B-13 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên | Liêm Phong | Thanh Liêm | 4,51 | qh£, qp | - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng. |
| 71 | PL-HC1B-18 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | Liêm Tiết | Thanh Liêm | 4,62 | qh£, qp | **+) Đối với tầng chứa nước qp :**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với tầng chứa nước qh1, qh2, t2:**  1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có.  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 72 | TL-HC1B-14 | Liêm Cần | Thanh Liêm | 4,23 | qh£, qp |
| 73 | TL-HC1B-15 | Thanh Hà | Thanh Liêm | 5,96 | qh£, qh¤, qp |
| 74 | PL-HC1B-20 | Thanh Tuyền | Thanh Liêm | 3,22 | qh£, qh¤, qp |
| 75 | TL-HC1B-17 | Kiện Khê | Thanh Liêm | 1,09 | qh£, qp, t¤ |
| 76 | PL-HC1B-19 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên | Liêm Tuyền | Phủ Lý | 2,11 | qp | - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng. |
| 77 | KB-HC1B-01 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | Thanh Sơn | Kim Bảng | 10,54 | qh¤, qp, t¤ | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có.  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 78 | KB-HC1B-02 | Liên Sơn | Kim Bảng | 3,38 | qh¤, t¤ |
| 79 | KB-HC1B-03 | Thi Sơn | Kim Bảng | 5,46 | qh¤, qp, t¤ |
| 80 | KB-HC1B-04 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | Ngọc Sơn | Kim Bảng | 1,63 | t¤ | - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng. |
| 81 | KB-HC1B-05 | Ngọc Sơn | Kim Bảng | 5,35 | t¤ |
| 82 | KB-HC1B-06 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | Khả Phong | Kim Bảng | 2,30 | t¤ | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có.  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 83 | KB-HC1B-07 | Thụy Lôi | Kim Bảng | 3,03 | t¤ |
| 84 | KB-HC1B-08 | Đồng Hoá | Kim Bảng | 4,36 | t¤ |
| 85 | KB-HC1B-09 | Tân Sơn | Kim Bảng | 1,89 | t¤ |
| 86 | KB-HC1B-10 | Lê Hồ | Kim Bảng | 4,60 | t¤ |
| 87 | KB-HC1B-11 | Đại Cương | Kim Bảng | 0,42 | t¤ |
| 88 | KB-HC1B-12 | Tượng Lĩnh | Kim Bảng | 1,55 | t¤ |
| 89 | KB-HC1B-13 | Nguyễn Úy | Kim Bảng | 2,00 | t¤ |
| 90 | PL-HC1B-21 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | Kim Bình | Phủ Lý | 0,19 | t¤ |
| 91 | PL-HC1B-01 | Phù Vân | Phủ Lý | 3,35 | qp |
| 92 | PL-HC1B-02 | Lê Hồng Phong | Phủ Lý | 1,84 | qp |
| 93 | PL-HC1B-03 | Châu Sơn | Phủ Lý | 3,18 | qp, t¤ |
| 94 | PL-HC1B-04 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên | Thanh Châu | Phủ Lý | 1,72 | qp | - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng. |
| 95 | PL-HC1B-05 | Liêm Chung | Phủ Lý | 2,44 | qp |
| 96 | PL-HC1B-06 | Liêm Chính | Phủ Lý | 1,49 | qp |
| 97 | PL-HC1B-07 | Lam Hạ | Phủ Lý | 4,30 | qp |
| 98 | PL-HC1B-08 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề | Quang Trung | Phủ Lý | 0,91 | qp | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có.  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 99 | PL-HC1B-10 | Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên | Lương Khánh Thiện | Phủ Lý | 0,09 | qp | - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng. |
| 100 | PL-HC1B-11 | Minh Khai | Phủ Lý | 0,15 | qp |
| 101 | PL-HC1B-09 | Trần Hưng Đạo | Phủ Lý | 0,06 | qp |
| 102 | PL-HC1B-12 | Hai Bà Trưng | Phủ Lý | 0,43 | qp |
| 103 | DT-HC1C-01 | Khu vực có bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung. | Bạch Thượng, Duy Minh, Duy Hải, Đồng Văn | Duy Tiên | 0.060 | qh£, qh¤, qp, n | 1. Đối với khu vực trong phạm vi quy hoạch bãi rác:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề.  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 104 | TL-HC1C-02 | Kiện Khê, Thanh Sơn, Thanh Thủy, Thanh Tân | Thanh Liêm, Kim Bảng | 0.474 | qh¤, t¤ |
| 105 | DT-HC1D-01 | Nghĩa trang thôn Hoàn Dương | Mộc Bắc | Duy Tiên | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n | 1. Đối với khu vực trong phạm vi quy hoạch nghĩa trang:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 100m tính từ đường biên quy hoạch nghĩa trang.  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 106 | DT-HC1D-02 | Nghĩa trang thôn Hoàn Dương | Mộc Bắc | Duy Tiên | 0,10 | qh£, qh¤, qp, n |
| 107 | DT-HC1D-03 | Nghĩa trang thôn Yên Bình | Mộc Bắc | Duy Tiên | 0,23 | qh£, qh¤, qp, n |
| 108 | DT-HC1D-04 | Nghĩa trang thôn Yên Hòa | Mộc Bắc | Duy Tiên | 0,13 | qh£, qh¤, qp, n |
| 109 | DT-HC1D-05 | Nghĩa trang thôn Đô Quan | Mộc Nam | Duy Tiên | 0,22 | qh£, qh¤, qp, n |
| 110 | DT-HC1D-06 | Nghĩa trang thôn Lãnh Trì | Mộc Nam | Duy Tiên | 0,13 | qh£, qh¤, qp, n |
| 111 | DT-HC1D-07 | Nghĩa trang thôn Từ Đài | Chuyên Ngoại | Duy Tiên | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 112 | DT-HC1D-08 | Nghĩa trang thôn Lỗ Hà | Trác Văn | Duy Tiên | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 113 | DT-HC1D-09 | Nghĩa trang thôn Văn Bút | Trác Văn | Duy Tiên | 0,14 | qh£, qh¤, qp, n |
| 114 | DT-HC1D-10 | Nghĩa trang thôn 3 | Châu Giang | Duy Tiên | 0,13 | qh£, qh¤, qp, n |
| 115 | DT-HC1D-11 | Nghĩa trang thôn Vân Kênh | Châu Giang | Duy Tiên | 0,13 | qh£, qh¤, qp, n |
| 116 | DT-HC1D-12 | Nghĩa trang thôn Du Long | Châu Giang | Duy Tiên | 0,12 | qh£, qh¤, qp, n |
| 117 | DT-HC1D-13 | Nghĩa trang thôn Trung Thượng | Châu Giang | Duy Tiên | 0,13 | qh£, qh¤, qp, n |
| 118 | DT-HC1D-14 | Nghĩa trang thôn Tây | Châu Giang | Duy Tiên | 0,12 | qh£, qh¤, qp, n |
| 119 | DT-HC1D-15 | Nghĩa trang thôn Thủy Cơ | Yên Nam | Duy Tiên | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 120 | DT-HC1D-16 | Nghĩa trang thôn Thận Trại | Yên Nam | Duy Tiên | 0,36 | qh£, qh¤, qp, n |
| 121 | DT-HC1D-17 | Nghĩa trang thôn Quan Nha | Yên Bắc | Duy Tiên | 0,16 | qh£, qh¤, qp, n |
| 122 | DT-HC1D-18 | Nghĩa trang thôn Lũng Xuyên | Yên Bắc | Duy Tiên | 0,10 | qh£, qh¤, qp, n |
| 123 | DT-HC1D-19 | Nghĩa trang thôn Lương Xá | Yên Bắc | Duy Tiên | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 124 | DT-HC1D-20 | Nghĩa trang thôn Linh Nội | Bạch Thượng | Duy Tiên | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 125 | DT-HC1D-21 | Nghĩa trang thôn Giáp Nội | Bạch Thượng | Duy Tiên | 0,10 | qh£, qh¤, qp, n |
| 126 | DT-HC1D-22 | Nghĩa trang thôn Văn Phái | Bạch Thượng | Duy Tiên | 0,10 | qh£, qp, n |
| 127 | DT-HC1D-23 | Nghĩa trang thôn Thần Nữ | Đồng Văn | Duy Tiên | 0,15 | qh£, qp, n |
| 128 | DT-HC1D-24 | Nghĩa trang thôn Sa Lao | Tiên Nội | Duy Tiên | 0,11 | qh£, qp, n |
| 129 | DT-HC1D-25 | Nghĩa trang thôn Nguyễn Đoài | Tiên Nội | Duy Tiên | 0,14 | qh£, qp, n |
| 130 | DT-HC1D-26 | Nghĩa trang thôn Ngô Tân | Tiên Nội | Duy Tiên | 0,16 | qh£, qh¤, qp, n |
| 131 | DT-HC1D-27 | Nghĩa trang thôn Hòa Trung | Hoàng Đông | Duy Tiên | 0,11 | qh£, qh¤, qp, n |
| 132 | DT-HC1D-28 | Nghĩa trang thôn Lương | Tiên Ngoại | Duy Tiên | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 133 | DT-HC1D-29 | Nghĩa trang thôn Nội | Tiên Ngoại | Duy Tiên | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 134 | DT-HC1D-30 | Nghĩa trang thôn Đọi Tam | Tiên Sơn | Duy Tiên | 0,15 | qh£, qh¤, qp, n |
| 135 | DT-HC1D-31 | Nghĩa trang thôn Đọi Nhất | Tiên Sơn | Duy Tiên | 0,08 | qh£, qh¤, n |
| 136 | DT-HC1D-32 | Nghĩa trang thôn Câu Tử | Tiên Sơn | Duy Tiên | 0,11 | qh£, qh¤, qp, n |
| 137 | DT-HC1D-33 | Nghĩa trang thôn Lê Xá | Tiên Sơn | Duy Tiên | 0,22 | qh£, qh¤, qp, n |
| 138 | DT-HC1D-34 |  | Tiên Sơn | Duy Tiên | 0,11 | qh£, qh¤, qp, n |
| 139 | DT-HC1D-35 | Nghĩa trang thôn Hương Cát | Duy Hải | Duy Tiên | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 140 | DT-HC1D-36 | Nghĩa trang thôn Ngọc Động | Hoàng Đông | Duy Tiên | 0,14 | qh£, qh¤, qp, n |
| 141 | DT-HC1D-37 | Nghĩa trang thôn Ngọc Động | Hoàng Đông | Duy Tiên | 0,08 | qh£, qp, n |
| 142 | KB-HC1D-01 | Nghĩa trang thôn Thịnh Đại | Đại Cương | Kim Bảng | 0,15 | qh£, qh¤, qp, n | 1. Đối với khu vực trong phạm vi quy hoạch nghĩa trang:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 100m tính từ đường biên quy hoạch nghĩa trang.  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 143 | KB-HC1D-02 | Nghĩa trang thôn Siêu Nghệ | Nhật Tựu | Kim Bảng | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 144 | KB-HC1D-03 | Nghĩa trang thôn Phượng thượng 1 | Lê Hồ | Kim Bảng | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t¤ |
| 145 | KB-HC1D-04 | Nghĩa trang thôn Phượng thượng 2 | Tượng Lĩnh | Kim Bảng | 0,08 | qh£, qp, t¤ |
| 146 | KB-HC1D-05 | Nghĩa trang thôn Đại Phú | Lê Hồ | Kim Bảng | 0,07 | qh£, qp, t¤ |
| 147 | KB-HC1D-06 | Nghĩa trang thôn Phù Lưu | Nguyễn Úy | Kim Bảng | 0,08 | qh£, qp, t¤ |
| 148 | KB-HC1D-07 | Nghĩa trang thôn Phù Đê | Tượng Lĩnh | Kim Bảng | 0,08 | qh£, qh¤, qp, t¤ |
| 149 | KB-HC1D-08 | Nghĩa trang thôn Vĩnh Sơn | Tân Sơn | Kim Bảng | 0,10 | t¤ |
| 150 | KB-HC1D-09 | Nghĩa trang thôn Thụy Sơn | Tân Sơn | Kim Bảng | 0,25 | qh£, qh¤, qp, t¤ |
| 151 | KB-HC1D-10 | Nghĩa trang thôn Lạc Nhuế | Đồng Hóa | Kim Bảng | 0,13 | qh£, qp, t¤ |
| 152 | KB-HC1D-11 | Nghĩa trang thôn 6 | Nhật Tân | Kim Bảng | 0,09 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 153 | KB-HC1D-12 | Nghĩa trang thôn Yên Lão | Hoàng Tây | Kim Bảng | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 154 | KB-HC1D-13 | Nghĩa trang thôn Đặng Xá | Văn Xá | Kim Bảng | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 155 | KB-HC1D-14 | Nghĩa trang thôn Phố 2 | Quế | Kim Bảng | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t¤ |
| 156 | KB-HC1D-15 | Nghĩa trang thôn Đanh Xá | Ngọc Sơn | Kim Bảng | 0,10 | qh£, qh¤, t¤ |
| 157 | KB-HC1D-16 | Nghĩa trang thôn Thôn Gốm | Thụy Lôi | Kim Bảng | 0,10 | qh£, qh¤, qp, t¤ |
| 158 | KB-HC1D-17 | Nghĩa trang thôn Hồi Trung | Thụy Lôi | Kim Bảng | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t¤ |
| 159 | KB-HC1D-18 | Nghĩa trang thôn Khuyến Công | Khả Phong | Kim Bảng | 0,14 | qh¤, t¤ |
| 160 | KB-HC1D-19 | Nghĩa trang thôn Tổ 5 | Ba Sao | Kim Bảng | 0,12 | t¤ |
| 161 | KB-HC1D-20 | Nghĩa trang thôn Đồng Sơn | Liên Sơn | Kim Bảng | 0,08 | qh¤, t¤ |
| 162 | KB-HC1D-21 | Nghĩa trang thôn Do Lễ | Liên Sơn | Kim Bảng | 0,07 | qh£, qh¤, t¤ |
| 163 | KB-HC1D-22 | Nghĩa trang thôn Thôn 2 | Thi Sơn | Kim Bảng | 0,09 | qh£, qh¤, qp, t¤ |
| 164 | KB-HC1D-23 | Nghĩa trang thôn Văn Bối | Nhật Tựu | Kim Bảng | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 165 | PL-HC1D-01 | Nghĩa trang thôn Văn Thanh | Kim Bình | Phủ Lý | 0,08 | qh£, qp, t£ | 1. Đối với khu vực trong phạm vi quy hoạch nghĩa trang:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 100m tính từ đường biên quy hoạch nghĩa trang.  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 166 | PL-HC1D-02 | Nghĩa trang thôn Phù Lão | Kim Bình | Phủ Lý | 0,10 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 167 | PL-HC1D-03 | Nghĩa trang thôn Kiều Đan Thượng | Tiên Tân | Phủ Lý | 0,14 | qh£, qh¤, qp, n |
| 168 | PL-HC1D-04 | Nghĩa trang thôn Trúc Sơn | Tiên Tân | Phủ Lý | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 169 | PL-HC1D-05 | Nghĩa trang thôn An Ngoại | Tiên Hiệp | Phủ Lý | 0,16 | qh£, qh¤, qp, n |
| 170 | PL-HC1D-06 | Nghĩa trang thôn Vũ Xá | Tiên Hiệp | Phủ Lý | 0,14 | qh£, qh¤, qp, n |
| 171 | PL-HC1D-07 | Nghĩa trang thôn Đỗ Ngoại | Tiên Hải | Phủ Lý | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 172 | PL-HC1D-08 | Nghĩa trang thôn Quán Nha | Tiên Hải | Phủ Lý | 0,09 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 173 | PL-HC1D-09 | Nghĩa trang thôn Thường ấm | Tiên Hải | Phủ Lý | 0,08 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 174 | PL-HC1D-10 | Nghĩa trang thôn Quang ấm | Lam Hạ | Phủ Lý | 0,09 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 175 | PL-HC1D-11 | Nghĩa trang thôn Lương Cổ | Lam Hạ | Phủ Lý | 0,15 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 176 | PL-HC1D-12 | Nghĩa trang thôn Quỳnh chân | Lam Hạ | Phủ Lý | 0,17 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 177 | PL-HC1D-13 | Nghĩa trang thôn Đường ấm | Lam Hạ | Phủ Lý | 0,08 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 178 | PL-HC1D-14 | Nghĩa trang thôn Đình Tràng | Lam Hạ | Phủ Lý | 0,09 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 179 | PL-HC1D-15 | Nghĩa trang thôn Đường ấm | Lam Hạ | Phủ Lý | 0,08 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 180 | PL-HC1D-16 | Nghĩa trang thôn Hòa lạc | Lam Hạ | Phủ Lý | 0,09 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 181 | PL-HC1D-17 | Nghĩa trang thôn Triệu Xá | Liêm Tuyền | Phủ Lý | 0,08 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 182 | PL-HC1D-18 | Nghĩa trang thôn Mễ Nội | Liêm Chính, Liêm Tuyền | Phủ Lý | 0,16 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 183 | PL-HC1D-19 | Nghĩa trang thôn Bích Trì | Liêm Tuyền, Đinh Xá | Phủ Lý | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 184 | PL-HC1D-20 | Nghĩa trang thôn 7 | Liêm Tuyền | Phủ Lý | 0,09 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 185 | PL-HC1D-21 | Nghĩa trang thôn Đình | Đinh Xá | Phủ Lý | 0,14 | qh£, qp, t£ |
| 186 | PL-HC1D-22 | Nghĩa trang thôn Xui | Đinh Xá | Phủ Lý | 0,09 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 187 | PL-HC1D-23 | Nghĩa trang thôn Bùi | Trịnh Xá | Phủ Lý | 0,16 | qh£, qp, t£ |
| 188 | PL-HC1D-24 | Nghĩa trang thôn Chiền | Liêm Tiết | Phủ Lý | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 189 | PL-HC1D-25 | Nghĩa trang thôn Đào | Liêm Tiết | Phủ Lý | 0,12 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 190 | PL-HC1D-26 | Nghĩa trang thôn Trại | Liêm Tiết | Phủ Lý | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 191 | PL-HC1D-27 | Nghĩa trang thôn Văn Lâm | Liêm Chung | Phủ Lý | 0,09 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 192 | PL-HC1D-28 | Nghĩa trang thôn Lơ | Liêm Chung | Phủ Lý | 0,10 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 193 | PL-HC1D-29 | Nghĩa trang thôn Bằng Khê | Liêm Chung | Phủ Lý | 0,11 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 194 | PL-HC1D-30 | Nghĩa trang thôn Bằng Khê | Liêm Chung | Phủ Lý | 0,12 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 195 | PL-HC1D-31 | Nghĩa trang thôn Bầu Cầu | Thanh Châu | Phủ Lý | 0,10 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 196 | PL-HC1D-32 |  | Thanh Châu | Phủ Lý | 0,11 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 197 | PL-HC1D-33 | Nghĩa trang thôn Tổ 6 | Thanh Tuyền | Phủ Lý | 0,17 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 198 | PL-HC1D-34 | Nghĩa trang thôn Tổ 5 | Thanh Tuyền | Phủ Lý | 0,13 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 199 | PL-HC1D-35 | Nghĩa trang thôn Thịnh | Châu Sơn | Phủ Lý | 0,10 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 200 | PL-HC1D-36 | Nghĩa trang thôn Do Nha | Châu Sơn | Phủ Lý | 0,08 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 201 | PL-HC1D-37 | Nghĩa trang thôn Phố Trần Phú | Châu Sơn | Phủ Lý | 0,08 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 202 | PL-HC1D-38 | Nghĩa trang thôn KCN Châu Sơn | Châu Sơn | Phủ Lý | 0,415 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 203 | PL-HC1D-39 |  | Lê Hồng Phong | Phủ Lý | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 204 | PL-HC1D-40 |  | Lê Hồng Phong | Phủ Lý | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 205 | PL-HC1D-41 | Nghĩa trang thôn Hoàng Hanh | Lê Hồng Phong | Phủ Lý | 0,09 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 206 | PL-HC1D-42 | Nghĩa trang thôn Châu Xá | Lê Hồng Phong | Phủ Lý | 0,08 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 207 | PL-HC1D-43 | Nghĩa trang thôn Phú Cường | Thanh Sơn | Kim Bảng | 0,08 | qh£, qh¤, qp, t¤ |
| 208 | TL-HC1D-01 | Nghĩa trang thôn Tiểu khu Lâm Sơn | Kiện Khê | Thanh Liêm | 0,13 | qh¤, t¤ | 1. Đối với khu vực trong phạm vi quy hoạch nghĩa trang:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 100m tính từ đường biên quy hoạch nghĩa trang.  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 209 | TL-HC1D-02 | Nghĩa trang thôn Tiều khu Châu Giang | Kiện Khê | Thanh Liêm | 0,08 | qh¤, t¤ |
| 210 | TL-HC1D-03 | Nghĩa trang thôn Tháp | Kiện Khê | Thanh Liêm | 0,12 | qh£, qh¤, t£ |
| 211 | TL-HC1D-04 | Nghĩa trang thôn Tiểu khu Ninh Vũ | Kiện Khê | Thanh Liêm | 0,08 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 212 | TL-HC1D-05 | Nghĩa trang thôn Hòa Ngãi | Thanh Hà | Thanh Liêm | 0,11 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 213 | TL-HC1D-06 | Nghĩa trang thôn Thạch Tổ | Thanh Hà | Thanh Liêm | 0,11 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 214 | TL-HC1D-07 | Nghĩa trang thôn ứng Liêm | Thanh Hà | Thanh Liêm | 0,08 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 215 | TL-HC1D-08 | Nghĩa trang thôn Động Nhì | Liêm Cần | Thanh Liêm | 0,08 | qh£, qp, t£ |
| 216 | TL-HC1D-09 | Nghĩa trang thôn Thượng Trang | Liêm Phong | Thanh Liêm | 0,16 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 217 | TL-HC1D-10 | Nghĩa trang thôn Cự Xá | Liêm Phong | Thanh Liêm | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 218 | TL-HC1D-11 | Nghĩa trang thôn Gừa Sông | Liêm Thuận | Thanh Liêm | 0,07 | qh£, t£ |
| 219 | TL-HC1D-12 | Nghĩa trang thôn Chằm Vải | Liêm Thuận | Thanh Liêm | 0,09 | qh£, t£ |
| 220 | TL-HC1D-13 | Nghĩa trang thôn Thị | Liêm Thuận | Thanh Liêm | 0,08 | qh£, t£ |
| 221 | TL-HC1D-14 | Nghĩa trang thôn Chày | Liêm Thuận | Thanh Liêm | 0,10 | qh£, t£ |
| 222 | TL-HC1D-15 | Nghĩa trang thôn Non | Tân Thanh | Thanh Liêm | 0,11 | qh¤, t£ |
| 223 | TL-HC1D-16 | Nghĩa trang thôn Thanh Liêm | Tân Thanh | Thanh Liêm | 0,12 | qh£, qh¤, t£ |
| 224 | TL-HC1D-17 | Nghĩa trang thôn Ninh Tảo | Tân Thanh | Thanh Liêm | 0,06 | qh£, qh¤, t£ |
| 225 | TL-HC1D-18 | Nghĩa trang thôn Đông Xá | Thanh Phong | Thanh Liêm | 0,14 | qh£, qh¤, t£ |
| 226 | TL-HC1D-19 | Nghĩa trang thôn Tháp | Thanh Thủy | Thanh Liêm | 0,15 | qh£, qh¤, t¤ |
| 227 | TL-HC1D-20 | Nghĩa trang thôn Đình Hậu | Thanh Thủy | Thanh Liêm | 0,09 | qh£, qh¤, t¤ |
| 228 | TL-HC1D-21 | Nghĩa trang thôn Đồng Ao | Thanh Thủy | Thanh Liêm | 0,09 | qh£, qh¤, t¤ |
| 229 | TL-HC1D-22 | Nghĩa trang thôn Trung Thành | Thanh Thủy | Thanh Liêm | 0,08 | qh£, qh¤, t¤ |
| 230 | TL-HC1D-23 | Nghĩa trang thôn Nam Công | Thanh Tân | Thanh Liêm | 0,09 | qh£, qh¤, t¤ |
| 231 | TL-HC1D-24 | Nghĩa trang thôn 3 Tâng | Thanh Hương | Thanh Liêm | 0,06 | qh£, qh¤, t£ |
| 232 | TL-HC1D-25 | Nghĩa trang thôn Đanh Nội | Thanh Hương | Thanh Liêm | 0,10 | qh£, qh¤, t£ |
| 233 | TL-HC1D-26 | Nghĩa trang thôn Lác Nội | Thanh Hương | Thanh Liêm | 0,08 | qh£, qh¤, t£ |
| 234 | TL-HC1D-27 | Nghĩa trang thôn Lác Chiều | Thanh Hương | Thanh Liêm | 0,07 | qh£, qh¤, t£ |
| 235 | TL-HC1D-28 | Nghĩa trang thôn Lời | Thanh Hương | Thanh Liêm | 0,08 | qh£, qh¤, t£ |
| 236 | TL-HC1D-29 | Nghĩa trang thôn Bồng Lạng | Thanh Nghị | Thanh Liêm | 0,10 | qh¤, t¤ |
| 237 | TL-HC1D-30 | Nghĩa trang thôn Bồng Lạng | Thanh Nghị | Thanh Liêm | 0,08 | qh£, qh¤, t¤ |
| 238 | TL-HC1D-31 | Nghĩa trang thôn Ba | Thanh Hải | Thanh Liêm | 0,08 | qh£, qh¤, qp, t¤ |
| 239 | TL-HC1D-32 | Nghĩa trang thôn Đoan Vỹ | Thanh Hải | Thanh Liêm | 0,10 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 240 | TL-HC1D-33 | Nghĩa trang thôn Kho Làng | Thanh Tâm | Thanh Liêm | 0,11 | qh£, qh¤, t£ |
| 241 | TL-HC1D-34 | Nghĩa trang thôn Thong | Thanh Tâm | Thanh Liêm | 0,10 | qh¤, t£ |
| 242 | TL-HC1D-35 | Nghĩa trang thôn Sở Núi | Liêm Sơn | Thanh Liêm | 0,05 | qh£, qh¤, t£ |
| 243 | TL-HC1D-36 | Nghĩa trang thôn Quán | Liêm Sơn | Thanh Liêm | 0,07 | qh£, qh¤, t£ |
| 244 | TL-HC1D-37 | Nghĩa trang thôn Khoái | Liêm Sơn | Thanh Liêm | 0,07 | qh£, qh¤, t£ |
| 245 | TL-HC1D-38 | Nghĩa trang thôn Nội | Liêm Sơn | Thanh Liêm | 0,08 | qh£, t£ |
| 246 | TL-HC1D-39 | Nghĩa trang thôn Tân Tín Vọng | Liêm Túc | Thanh Liêm | 0,09 | qh£, qh¤, t£ |
| 247 | BL-HC1D-01 | Nghĩa trang thôn Lan Dương | An Lão | Bình Lục | 0,14 | qh£, qh¤, qp, t£ | 1. Đối với khu vực trong phạm vi quy hoạch nghĩa trang:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 100m tính từ đường biên quy hoạch nghĩa trang.  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 248 | BL-HC1D-02 | Nghĩa trang thôn Phú Thủy | An Lão | Bình Lục | 0,10 | qh£, qp, t£ |
| 249 | BL-HC1D-03 | Nghĩa trang thôn Dương | An Lão | Bình Lục | 0,09 | qh£, qp, t£ |
| 250 | BL-HC1D-04 | Nghĩa trang thôn Bói Kênh | An Lão | Bình Lục | 0,14 | qh£, qp, t£ |
| 251 | BL-HC1D-05 | Nghĩa trang thôn Đô Hai | An Lão | Bình Lục | 0,11 | qh£, qp, t£ |
| 252 | BL-HC1D-06 | Nghĩa trang thôn Mỹ Đô | An Lão | Bình Lục | 0,08 | qh£, qp, t£ |
| 253 | BL-HC1D-07 | Nghĩa trang thôn Đô Hai | An Lão | Bình Lục | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 254 | BL-HC1D-08 | Nghĩa trang thôn Đô Hai | An Lão | Bình Lục | 0,09 | qh£, qp, t£ |
| 255 | BL-HC1D-09 | Nghĩa trang thôn Thứ Nhất | An Lão | Bình Lục | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 256 | BL-HC1D-10 | Nghĩa trang thôn An Lão | An Lão, Tiêu Động | Bình Lục | 0,11 | qh£, qp, t£ |
| 257 | BL-HC1D-11 | Nghĩa trang thôn Tiêu Hạ Nam | Tiêu Động | Bình Lục | 0,12 | qh£, qp, t£ |
| 258 | BL-HC1D-12 | Nghĩa trang thôn Tiêu Động Hạ | Tiêu Động | Bình Lục | 0,09 | qh£, qp, t£ |
| 259 | BL-HC1D-13 | Nghĩa trang thôn Tiêu Thượng | Tiêu Động | Bình Lục | 0,10 | qh£, qp, t£ |
| 260 | BL-HC1D-14 | Nghĩa trang thôn Tiêu Động Thượng | Tiêu Động | Bình Lục | 0,11 | qh£, qp, t£ |
| 261 | BL-HC1D-15 | Nghĩa trang thôn Tiêu Viên | Tiêu Động | Bình Lục | 0,10 | qh£, qp, t£ |
| 262 | BL-HC1D-16 | Nghĩa trang thôn Tiêu Viên | Tiêu Động | Bình Lục | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 263 | BL-HC1D-17 | Nghĩa trang thôn Vũ Xá | Tiêu Động | Bình Lục | 0,10 | qh£, qp, t£ |
| 264 | BL-HC1D-18 | Nghĩa trang thôn Đỗ Khê | Tiêu Động | Bình Lục | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 265 | BL-HC1D-19 | Nghĩa trang thôn Triều | Tiêu Động | Bình Lục | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 266 | BL-HC1D-20 | Nghĩa trang thôn Đông Rồi | La Sơn | Bình Lục | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 267 | BL-HC1D-21 | Nghĩa trang thôn Trung Sơn | La Sơn | Bình Lục | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 268 | BL-HC1D-22 | Nghĩa trang thôn Thượng Thụ | La Sơn | Bình Lục | 0,08 | qh£, qp, t£ |
| 269 | BL-HC1D-23 | Nghĩa trang thôn Tập Mỹ | La Sơn | Bình Lục | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 270 | BL-HC1D-24 | Nghĩa trang thôn An Ninh | La Sơn | Bình Lục | 0,07 | qh£, t£ |
| 271 | BL-HC1D-25 | Nghĩa trang thôn Phù Tải | An Đổ | Bình Lục | 0,06 | qh£, qp, t£ |
| 272 | BL-HC1D-26 | Nghĩa trang thôn Mạnh Chư | An Đổ | Bình Lục | 0,08 | qh£, qp, t£ |
| 273 | BL-HC1D-27 | Nghĩa trang thôn Đại Phu | An Đổ | Bình Lục | 0,13 | qh£, qp, t£ |
| 274 | BL-HC1D-28 | Nghĩa trang thôn Cầu | An Đổ | Bình Lục | 0,13 | qh£, qp, t£ |
| 275 | BL-HC1D-29 | Nghĩa trang thôn Sông | An Đổ | Bình Lục | 0,13 | qh£, qp, t£ |
| 276 | BL-HC1D-30 | Nghĩa trang thôn Thọ Lương | Bình Mỹ | Bình Lục | 0,15 | qh£, qp, t£ |
| 277 | BL-HC1D-31 | Nghĩa trang thôn La Cầu Dưới | Bình Mỹ | Bình Lục | 0,08 | qh£, qp, t£ |
| 278 | BL-HC1D-32 | Nghĩa trang thôn Tiểu khu Bình Nam | Bình Mỹ | Bình Lục | 0,08 | qh£, qp, t£ |
| 279 | BL-HC1D-33 | Nghĩa trang thôn Lương ý | Bình Mỹ | Bình Lục | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 280 | BL-HC1D-34 | Nghĩa trang thôn An Dương | Bình Mỹ | Bình Lục | 0,10 | qh£, qp, t£ |
| 281 | BL-HC1D-35 | Nghĩa trang thôn Văn Phú | Bình Mỹ | Bình Lục | 0,12 | qh£, qp, t£ |
| 282 | BL-HC1D-36 | Nghĩa trang thôn An Tập | Bình Mỹ | Bình Lục | 0,08 | qh£, qp, t£ |
| 283 | BL-HC1D-37 | Nghĩa trang thôn Cao Cái | Bình Mỹ | Bình Lục | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 284 | BL-HC1D-38 | Nghĩa trang thôn Mỹ Đôi | Bình Mỹ | Bình Lục | 0,10 | qh£, qp, t£ |
| 285 | BL-HC1D-39 | Nghĩa trang thôn Cụm công nghiệp An Mỹ | Bình Mỹ | Bình Lục | 0,09 | qh£, qp, t£ |
| 286 | BL-HC1D-40 | Nghĩa trang thôn Đạo Chuyền | Đồn Xá | Bình Lục | 0,08 | qh£, qp, t£ |
| 287 | BL-HC1D-41 | Nghĩa trang thôn Bồ Xá | Đồn Xá | Bình Lục | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 288 | BL-HC1D-42 | Nghĩa trang thôn Tiên Lý | Đồn Xá | Bình Lục | 0,10 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 289 | BL-HC1D-43 | Nghĩa trang thôn Tiên Lý | Đồn Xá | Bình Lục | 0,10 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 290 | BL-HC1D-44 | Nghĩa trang thôn Nhân Đức | Đồn Xá | Bình Lục | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 291 | BL-HC1D-45 | Nghĩa trang thôn Thanh Khê | Đồn Xá | Bình Lục | 0,09 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 292 | BL-HC1D-46 | Nghĩa trang thôn Đồng Tâm | Đồng Du | Bình Lục | 0,08 | qh£, qp, t£ |
| 293 | BL-HC1D-47 | Nghĩa trang thôn Ngoại | Đồng Du | Bình Lục | 0,13 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 294 | BL-HC1D-48 | Nghĩa trang thôn Quyết Thắng | Đồng Du | Bình Lục | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 295 | BL-HC1D-49 | Nghĩa trang thôn Nội 2 | Đồng Du | Bình Lục | 0,12 | qh£, qh¤, qp, n |
| 296 | BL-HC1D-50 | Nghĩa trang thôn An Bài | Đồng Du | Bình Lục | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 297 | BL-HC1D-51 | Nghĩa trang thôn Nội 1 | Đồng Du | Bình Lục | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 298 | BL-HC1D-52 | Nghĩa trang thôn Hòa Thái Thịnh | Tràng An | Bình Lục | 0,10 | qh£, qh¤, qp, n |
| 299 | BL-HC1D-53 | Nghĩa trang thôn Ô Mễ | Tràng An | Bình Lục | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 300 | BL-HC1D-54 | Nghĩa trang thôn Ô Mễ | Tràng An | Bình Lục | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 301 | BL-HC1D-55 | Nghĩa trang thôn Bãi Vĩnh | Tràng An | Bình Lục | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 302 | BL-HC1D-56 | Nghĩa trang thôn 5 | Tràng An | Bình Lục | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 303 | BL-HC1D-57 | Nghĩa trang thôn 2 | Bình Nghĩa | Bình Lục | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 304 | BL-HC1D-58 | Nghĩa trang thôn Ngô Khê | Bình Nghĩa | Bình Lục | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 305 | BL-HC1D-59 | Nghĩa trang thôn 1 | Bình Nghĩa | Bình Lục | 0,12 | qh£, qh¤, qp, n |
| 306 | BL-HC1D-60 | Nghĩa trang thôn Đội 1 | Hưng Công | Bình Lục | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 307 | BL-HC1D-61 | Nghĩa trang thôn Hàn Mạc | Hưng Công | Bình Lục | 0,13 | qh£, qh¤, qp, n |
| 308 | BL-HC1D-63 | Nghĩa trang thôn Vĩnh Lai | Hưng Công | Bình Lục | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 309 | BL-HC1D-64 | Nghĩa trang thôn Vi Thượng | Trung Lương | Bình Lục | 0,09 | qh£, qp, t£ |
| 310 | BL-HC1D-65 | Nghĩa trang thôn Vi Thượng | Trung Lương | Bình Lục | 0,09 | qh£, qp, t£ |
| 311 | BL-HC1D-66 | Nghĩa trang thôn Duy Dương | Trung Lương | Bình Lục | 0,08 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 312 | BL-HC1D-67 | Nghĩa trang thôn Thượng Đồng | Trung Lương | Bình Lục | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 313 | BL-HC1D-68 | Nghĩa trang thôn Thôn Bến | Trung Lương | Bình Lục | 0,09 | qh£, qp, t£ |
| 314 | BL-HC1D-69 | Nghĩa trang thôn Mai Động | Trung Lương | Bình Lục | 0,06 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 315 | BL-HC1D-70 | Nghĩa trang thôn An Nội | An Nội | Bình Lục | 0,07 | qh£, qp, t£ |
| 316 | BL-HC1D-71 | Nghĩa trang thôn An Nội | An Nội | Bình Lục | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 317 | BL-HC1D-72 | Nghĩa trang thôn Thôn 5 | An Nội, Vũ Bản | Bình Lục | 0,23 | qh£, qp, t£ |
| 318 | BL-HC1D-73 | Nghĩa trang thôn Tía Sông | An Nội | Bình Lục | 0,09 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 319 | BL-HC1D-74 | Nghĩa trang thôn Cát | An Nội | Bình Lục | 0,19 | qh£, qh¤, qp, n |
| 320 | BL-HC1D-75 | Nghĩa trang thôn 6 | Ngọc Lũ | Bình Lục | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 321 | BL-HC1D-76 | Nghĩa trang thôn 6 | Ngọc Lũ | Bình Lục | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 322 | BL-HC1D-77 | Nghĩa trang thôn Ngọc Thắng | Ngọc Lũ | Bình Lục | 0,11 | qh£, qh¤, qp, n |
| 323 | BL-HC1D-78 | Nghĩa trang thôn 5 | Ngọc Lũ | Bình Lục | 0,16 | qh£, qh¤, qp, n |
| 324 | BL-HC1D-79 | Nghĩa trang thôn 9 | Bồ Đề | Bình Lục | 0,16 | qh£, qh¤, qp, n |
| 325 | BL-HC1D-80 | Nghĩa trang thôn 9 | Bồ Đề | Bình Lục | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 326 | BL-HC1D-81 | Nghĩa trang thôn 3 | Bồ Đề | Bình Lục | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 327 | BL-HC1D-82 | Nghĩa trang thôn 3 | Bồ Đề | Bình Lục | 0,09 | qh£, qp, n |
| 328 | BL-HC1D-83 | Nghĩa trang thôn Thôn 1 | Bồ Đề, Vũ Bản | Bình Lục | 0,13 | qh£, qh¤, qp, n |
| 329 | BL-HC1D-84 | Nghĩa trang thôn Thôn 1 | Vũ Bản | Bình Lục | 0,09 | qh£, qp, n |
| 330 | BL-HC1D-85 | Nghĩa trang thôn Chung | Vũ Bản | Bình Lục | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 331 | BL-HC1D-86 | Nghĩa trang thôn Gia Hội | Vũ Bản | Bình Lục | 0,11 | qh£, qh¤, qp, n |
| 332 | BL-HC1D-87 | Nghĩa trang thôn Đông Tự | Vũ Bản | Bình Lục | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 333 | BL-HC1D-88 | Nghĩa trang thôn Nam | Vũ Bản | Bình Lục | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 334 | BL-HC1D-89 | Nghĩa trang thôn Đồng Quê | Vũ Bản | Bình Lục | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 335 | LN-HC1D-01 | Nghĩa trang thôn 1 | Hòa Hậu | Lý Nhân | 0,15 | qh£, qh¤, qp, n | 1. Đối với khu vực trong phạm vi quy hoạch nghĩa trang:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 100m tính từ đường biên quy hoạch nghĩa trang.  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 336 | LN-HC1D-02 | Nghĩa trang thôn 11 | Hòa Hậu | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 337 | LN-HC1D-03 | Nghĩa trang thôn Nhân Hòa | Hòa Hậu | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 338 | LN-HC1D-04 | Nghĩa trang thôn 8 | Hòa Hậu | Lý Nhân | 0,18 | qh£, qh¤, qp, n |
| 339 | LN-HC1D-05 | Nghĩa trang thôn Nhân Hòa | Hòa Hậu | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 340 | LN-HC1D-06 | Nghĩa trang thôn Nhân Hậu | Hòa Hậu, Tiến Thắng | Lý Nhân | 0,18 | qh£, qh¤, qp, n |
| 341 | LN-HC1D-07 | Nghĩa trang thôn 6 | Tiến Thắng, Hòa Hậu | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 342 | LN-HC1D-08 | Nghĩa trang thôn 6 | Tiến Thắng | Lý Nhân | 0,06 | qh£, qh¤, qp, n |
| 343 | LN-HC1D-09 | Nghĩa trang thôn 4 | Tiến Thắng | Lý Nhân | 0,15 | qh£, qh¤, qp, n |
| 344 | LN-HC1D-10 | Nghĩa trang thôn Nguyên Đồng | Tiến Thắng | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 345 | LN-HC1D-11 | Nghĩa trang thôn 3 | Tiến Thắng | Lý Nhân | 0,12 | qh£, qh¤, qp, n |
| 346 | LN-HC1D-12 | Nghĩa trang thôn 3 | Tiến Thắng | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 347 | LN-HC1D-13 | Nghĩa trang thôn 1 | Tiến Thắng | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 348 | LN-HC1D-14 | Nghĩa trang thôn Phú Cốc | Phú Phúc | Lý Nhân | 0,13 | qh£, qp, n |
| 349 | LN-HC1D-15 | Nghĩa trang thôn Duyên Hà | Phú Phúc | Lý Nhân | 0,06 | qh£, qh¤, qp, n |
| 350 | LN-HC1D-16 | Nghĩa trang thôn Duyên Hà | Phú Phúc | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 351 | LN-HC1D-17 | Nghĩa trang thôn Duyên Hà | Phú Phúc | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 352 | LN-HC1D-18 | Nghĩa trang thôn Thanh Nga | Phú Phúc | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 353 | LN-HC1D-19 | Nghĩa trang thôn Phúc Mãn | Phú Phúc | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qp, n |
| 354 | LN-HC1D-20 | Nghĩa trang thôn Lý Nhân | Phú Phúc | Lý Nhân | 0,14 | qh£, qp, n |
| 355 | LN-HC1D-21 | Nghĩa trang thôn 2 | Nhân Thịnh | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 356 | LN-HC1D-22 | Nghĩa trang thôn Phú Cốc | Tiến Thắng | Lý Nhân | 0,06 | qh£, qh¤, qp, n |
| 357 | LN-HC1D-23 | Nghĩa trang thôn Bàng Ba | Nhân Thịnh | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qp, n |
| 358 | LN-HC1D-24 | Nghĩa trang thôn 1 | Nhân Thịnh | Lý Nhân | 0,18 | qh£, qh¤, qp, n |
| 359 | LN-HC1D-25 | Nghĩa trang thôn Nha Tiến | Nhân Bình | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 360 | LN-HC1D-26 | Nghĩa trang thôn Tàu Giang | Nhân Nghĩa | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 361 | LN-HC1D-27 | Nghĩa trang thôn Kinh Khê | Nhân Nghĩa | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qp, n |
| 362 | LN-HC1D-28 | Nghĩa trang thôn Thổ ốc | Trần Hưng Đạo | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qp, n |
| 363 | LN-HC1D-29 | Nghĩa trang thôn Thọ mai | Trần Hưng Đạo | Lý Nhân | 0,06 | qh£, qp, n |
| 364 | LN-HC1D-30 | Nghĩa trang thôn Hoàng Xuyên | Trần Hưng Đạo | Lý Nhân | 0,12 | qh£, qh¤, qp, n |
| 365 | LN-HC1D-31 | Nghĩa trang thôn Hoàng Xuyên | Trần Hưng Đạo | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 366 | LN-HC1D-32 | Nghĩa trang thôn Đồng Nhân | Trần Hưng Đạo | Lý Nhân | 0,10 | qh£, qh¤, qp, n |
| 367 | LN-HC1D-33 | Nghĩa trang thôn Trần Thương | Trần Hưng Đạo | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 368 | LN-HC1D-34 | Nghĩa trang thôn Trần Thương | Trần Hưng Đạo | Lý Nhân | 0,12 | qh£, qp, n |
| 369 | LN-HC1D-35 | Nghĩa trang thôn Hoàng Xuyên | Trần Hưng Đạo | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 370 | LN-HC1D-36 | Nghĩa trang thôn 7 | Chân Lý | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qp, n |
| 371 | LN-HC1D-37 | Nghĩa trang thôn 8 | Chân Lý | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qp, n |
| 372 | LN-HC1D-38 | Nghĩa trang thôn 6 | Chân Lý | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 373 | LN-HC1D-39 | Nghĩa trang thôn 4 | Chân Lý | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 374 | LN-HC1D-40 | Nghĩa trang thôn 4 | Chân Lý | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 375 | LN-HC1D-41 | Nghĩa trang thôn 2 | Chân Lý | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 376 | LN-HC1D-42 | Nghĩa trang thôn 1 | Đạo Lý | Lý Nhân | 0,13 | qh£, qh¤, qp, n |
| 377 | LN-HC1D-43 | Nghĩa trang thôn Nội Rối | Bắc Lý | Lý Nhân | 0,36 | qh£, qp, n |
| 378 | LN-HC1D-44 | Nghĩa trang thôn Quang ốc | Bắc Lý | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 379 | LN-HC1D-45 | Nghĩa trang thôn Cầu Không | Bắc Lý | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 380 | LN-HC1D-46 | Nghĩa trang thôn Đọ | Bắc Lý | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 381 | LN-HC1D-47 | Nghĩa trang thôn Nội Đọ | Bắc Lý | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qp, n |
| 382 | LN-HC1D-48 | Nghĩa trang thôn 5 | Nhân Chính | Lý Nhân | 0,17 | qh£, qh¤, qp, n |
| 383 | LN-HC1D-49 | Nghĩa trang thôn 4 | Nhân Khang, Nhân Chính | Lý Nhân | 0,14 | qh£, qh¤, qp, n |
| 384 | LN-HC1D-50 | Nghĩa trang thôn Mai Xá | Vĩnh Trụ | Lý Nhân | 0,23 | qh£, qh¤, qp, n |
| 385 | LN-HC1D-51 | Nghĩa trang thôn 1 Mai Xá | Vĩnh Trụ | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 386 | LN-HC1D-52 | Nghĩa trang thôn Phố 1 | Vĩnh Trụ | Lý Nhân | 0,20 | qh£, qh¤, qp, n |
| 387 | LN-HC1D-53 | Nghĩa trang thôn Ngò Báng | Đức Lý | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 388 | LN-HC1D-54 | Nghĩa trang thôn Hội Động | Đức Lý | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 389 | LN-HC1D-55 | Nghĩa trang thôn Văn An | Đức Lý | Lý Nhân | 0,12 | qh£, qh¤, qp, n |
| 390 | LN-HC1D-56 | Nghĩa trang thôn Xuyên Bến | Đức Lý | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qp, n |
| 391 | LN-HC1D-57 | Nghĩa trang thôn Bến | Đức Lý | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qp, n |
| 392 | LN-HC1D-58 | Nghĩa trang thôn Rặng | Đức Lý | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 393 | LN-HC1D-59 | Nghĩa trang thôn Quan Nhân | Đạo Lý | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 394 | LN-HC1D-60 | Nghĩa trang thôn Đồng Vũ | Đạo Lý | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 395 | LN-HC1D-61 | Nghĩa trang thôn An Đồng | Đạo Lý | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 396 | LN-HC1D-62 | Nghĩa trang thôn Sàng | Đạo Lý | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 397 | LN-HC1D-63 | Nghĩa trang thôn Mão Cầu | Nguyên Lý | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qp, n |
| 398 | LN-HC1D-64 | Nghĩa trang thôn Đồng Phú | Nguyên Lý | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 399 | LN-HC1D-65 | Nghĩa trang thôn Thư Lâu | Nguyên Lý | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 400 | LN-HC1D-66 | Nghĩa trang thôn HảI Long | Nguyên Lý | Lý Nhân | 0,18 | qh£, qh¤, qp, n |
| 401 | LN-HC1D-67 | Nghĩa trang thôn Nga Long | Nguyên Lý | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 402 | LN-HC1D-68 | Nghĩa trang thôn 1 | Công Lý | Lý Nhân | 0,14 | qh£, qh¤, qp, n |
| 403 | LN-HC1D-69 | Nghĩa trang thôn 4 | Chính Lý | Lý Nhân | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n |
| 404 | LN-HC1D-70 | Nghĩa trang thôn 2 | Chính Lý | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 405 | LN-HC1D-71 | Nghĩa trang thôn 8 | Chính Lý | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 406 | LN-HC1D-72 | Nghĩa trang thôn 10 | Chính Lý, Văn Lý | Lý Nhân | 0,28 | qh£, qh¤, qp, n |
| 407 | LN-HC1D-73 | Nghĩa trang thôn Đồng Hưng | Công Lý | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 408 | LN-HC1D-74 | Nghĩa trang thôn Phú Đa | Công Lý | Lý Nhân | 0,10 | qh£, qp, n |
| 409 | LN-HC1D-75 | Nghĩa trang thôn Hòa Bình | Công Lý | Lý Nhân | 0,13 | qh£, qh¤, qp, n |
| 410 | LN-HC1D-76 | Nghĩa trang thôn Quan Trung | Văn Lý | Lý Nhân | 0,11 | qh£, qh¤, qp, n |
| 411 | LN-HC1D-77 | Nghĩa trang thôn Tả Hà | Văn Lý | Lý Nhân | 0,09 | qh£, qh¤, qp, n |
| 412 | LN-HC1D-78 | Nghĩa trang thôn Phúc Hạ 2 | Hợp Lý | Lý Nhân | 0,16 | qh£, qh¤, qp, n |
| 413 | LN-HC1D-79 | Nghĩa trang thôn Phúc Thượng | Hợp Lý | Lý Nhân | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |

**PHỤ LỤC 02: DANH MỤC VÙNG HẠN CHẾ 3**

| **STT** | **Tên vùng hạn chế** | **Đối tượng khoanh định** | **Phạm vi hành chính** | | **Diện tích vùng hạn chế (km2)** | **Tầng chứa nước hạn chế** | **Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xã/ Phường/ Thị trấn** | **Huyện /TP/ Thị xã** |
| 1 | TL-HC3-01 | Vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước | Liêm Cần | Thanh Liêm | 0,56 | t1 | - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 2 | TL-HC3-02 | Kiện Khê | Thanh Liêm | 0,12 | qh£, qh¤, t1 |
| 3 | TL-HC3-03 | Thanh Hương | Thanh Liêm | 0,01 | qh¤,t1 |
| 4 | TL-HC3-04 | Tân Thanh | Thanh Liêm | 0,83 | qh¤,t1 |
| 5 | TL-HC3-05 | Tân Thanh | Thanh Liêm | 0,59 | qh¤,t1 |
| 6 | TL-HC3-06 | Liêm Thuận | Thanh Liêm | 0,04 | qh¤,t1 |
| 7 | TL-HC3-07 | Liên Sơn | Thanh Liêm | 0,63 | qh¤,t1 |
| 8 | TL-HC3-08 | Thanh Tâm | Thanh Liêm | 0,64 | qh¤,t1 |
| 9 | TL-HC3-09 | Thanh Hải | Thanh Liêm | 0,11 | qh¤, t¤ |
| 10 | TL-HC3-10 | Thanh Nghị | Thanh Liêm | 1,80 | qh¤, t¤ |
| 11 | PL-HC3-01 | Vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước | Kim Bình | Phủ Lý | 0,93 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 12 | PL-HC3-02 | Tiên Tân | Phủ Lý | 0,42 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 13 | PL-HC3-03 | Lam Hạ | Phủ Lý | 0,02 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 14 | PL-HC3-04 | Quang Trung | Phủ Lý | 0,29 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 15 | PL-HC3-05 | Phù Vân | Phủ Lý | 0,30 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 16 | PL-HC3-06 | Châu Sơn | Phủ Lý | 0,02 | qh£, qh¤, t1 |
| 17 | PL-HC3-07 | Thanh Tuyền | Phủ Lý | 0,03 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 18 | KB-HC3-01 | Vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước | Đại Cương | Kim Bảng | 0,75 | qh£, qh¤, qp, n | - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 19 | KB-HC3-02 | Lê Hồ | Kim Bảng | 0,33 | qh£, qh¤, qp, n |
| 20 | KB-HC3-03 | Nguyễn Úy | Kim Bảng | 0,44 | qh£, qh¤, qp, t£, n |
| 21 | KB-HC3-04 | Tượng Lĩnh | Kim Bảng | 0,39 | qh£, qh¤, qp, t2 |
| 22 | KB-HC3-05 | Đồng Hóa | Kim Bảng | 0,25 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 23 | KB-HC3-06 | Nhật Tân | Kim Bảng | 0,70 | qh£, qh¤, qp, n |
| 24 | KB-HC3-07 | Tân Sơn | Kim Bảng | 0,36 | qh£, qh¤, t2 |
| 25 | KB-HC3-08 | Nhật Tựu | Kim Bảng | 0,57 | qh£, qh¤, qp, n |
| 26 | KB-HC3-09 | Hoàng Tây | Kim Bảng | 0,41 | qh£, qh¤, qp, n |
| 27 | KB-HC3-10 | Văn Xá | Kim Bảng | 0,35 | qh£, qh¤, qp, t¤ |
| 28 | KB-HC3-11 | Quế | Kim Bảng | 0,16 | qh£, qh¤, qp, t¤ |
| 29 | KB-HC3-12 | Khả Phong | Kim Bảng | 0,25 | qh£, qh¤, t£ |
| 30 | KB-HC3-13 | Ba Sao | Kim Bảng | 2,70 | qh¤, t2 |
| 31 | KB-HC3-14 | Liên Sơn | Kim Bảng | 0,02 | qh¤, t2 |
| 32 | KB-HC3-15 | Thanh Sơn | Kim Bảng | 0,30 | qh¤, t¤ |
| 33 | DT-HC3-01 | Vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước | Châu Giang | Duy Tiên | 0,01 | qh£, qh¤, qp, n | - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 34 | DT-HC3-02 | Chuyên Ngoại | Duy Tiên | 0,11 | qh£, qh¤, qp, n |
| 35 | DT-HC3-03 | Trác Văn | Duy Tiên | 0,61 | qh£, qh¤, qp, n |
| 36 | DT-HC3-04 | Hòa Mạc | Duy Tiên | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 37 | DT-HC3-05 | Yên Nam | Duy Tiên | 0,50 | qh£, qh¤, n |
| 38 | DT-HC3-06 | Tiên Sơn | Duy Tiên | 0,89 | qh£, qh¤, n |
| 39 | DT-HC3-07 | Tiên Sơn | Duy Tiên | 0,02 | qh£, qh¤, n |
| 40 | DT-HC3-08 | Yên Bắc | Duy Tiên | 0,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 41 | DT-HC3-09 | Tiên Nội | Duy Tiên | 0,17 | qh£, qh¤, qp, n |
| 42 | DT-HC3-10 | Hoàng Đồng | Duy Tiên | 0,89 | qh£, qh¤, qp, n |
| 43 | DT-HC3-11 | Đồng Văn | Duy Tiên | 1,31 | qh£, qh¤, qp, n |
| 44 | DT-HC3-12 | Duy Minh | Duy Tiên | 1,48 | qh£, qh¤, qp, n |
| 45 | DT-HC3-13 | Duy Hải | Duy Tiên | 0,90 | qh£, qh¤, qp, n |
| 46 | DT-HC3-14 | Bạch Thượng | Duy Tiên | 1,63 | qh£, qh¤, qp, n |
| 47 | BL-HC3-01 | Vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước | An Lão | Bình Lục | 0,001 | qh£, qh¤, qp, t1 | - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 48 | BL-HC3-02 | Trung Lương | Bình Lục | 0,62 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 49 | BL-HC3-03 | Bối Cầu | Bình Lục | 0,04 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 50 | BL-HC3-04 | An Nội | Bình Lục | 0,30 | qh£, qh¤, qp, t1 |

**PHỤ LỤC 03: DANH MỤC VÙNG HẠN CHẾ HỐN HỢP**

| **STT** | **Tên vùng hạn chế** | **Đối tượng khoanh định** | **Phạm vi hành chính** | | **Diện tích vùng hạn chế (km2)** | **Tầng chứa nước hạn chế** | **Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xã/ Phường/ Thị trấn** | **Huyện /TP/ Thị xã** |
| 1 | DT-HC13-01 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Mộc Bắc | Duy Tiên | 1,37 | qh£, qh¤, qp, n | **+) Đối với tầng chứa nước qh1**:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 2 | DT-HC13-02 | Châu Giang | Duy Tiên | 4,27 | qh£, qh¤, qp, n |
| 3 | DT-HC13-03 | Mộc Nam | Duy Tiên | 1,20 | qh£, qh¤, qp, n |
| 4 | DT-HC13-04 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Chuyên Ngoại | Duy Tiên | 2,66 | qh£, qh¤, qp, n | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 5 | DT-HC13-05 | Trác Văn | Duy Tiên | 1,53 | qh£, qh¤, qp, n |
| 6 | DT-HC13-06 | Hòa Mạc | Duy Tiên | 0,70 | qh£, qh¤, qp, n |
| 7 | DT-HC13-07 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Yên Nam | Duy Tiên | 1,28 | qh£, qh¤, qp, n | **+) Đối với tầng chứa nước qp**:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 8 | DT-HC13-08 | Tiên Sơn | Duy Tiên | 0,49 | qh£, qh¤, qp, n |
| 9 | DT-HC13-09 | Tiên Sơn | Duy Tiên | 1,01 | qh£, qh¤, qp, n |
| 10 | DT-HC13-10 | Tiên Sơn | Duy Tiên | 0,86 | qh£, qh¤, qp, n |
| 11 | DT-HC13-11 | Tiên Ngoại | Duy Tiên | 0,77 | qh£, qh¤, qp, n |
| 12 | DT-HC13-12 | Yên Bắc | Duy Tiên | 1,30 | qh£, qh¤, qp, n |
| 13 | DT-HC13-13 | Tiên Nội | Duy Tiên | 0,58 | qh£, qh¤, qp, n |
| 14 | DT-HC13-14 | Hoàng Đồng | Duy Tiên | 0,53 | qh£, qh¤, qp, n |
| 15 | DT-HC13-15 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Đồng Văn | Duy Tiên | 0,01 | qh£, qh¤, qp, n | - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 16 | KB-HC13-02 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Lê Hồ | Kim Bảng | 0,24 | qh£, qh¤, qp, t£ | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 17 | KB-HC13-03 | Nguyễn Úy | Kim Bảng | 0,20 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 18 | KB-HC13-04 | Tượng Lĩnh | Kim Bảng | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 19 | KB-HC13-05 | Đồng Hóa | Kim Bảng | 0,55 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 20 | KB-HC13-06 | Tân Sơn | Kim Bảng | 0,37 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 21 | KB-HC13-07 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Hoàng Tây | Kim Bảng | 0,07 | qh£, qh¤, qp, n | **+) Đối với tầng chứa nước qp**:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 22 | KB-HC13-09 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Quế | Kim Bảng | 0,62 | qh£, qh¤, qp, t£ | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 23 | KB-HC13-10 | Ngọc Sơn | Kim Bảng | 0,84 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 24 | KB-HC13-11 | Thụy Lôi | Kim Bảng | 0,64 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 25 | KB-HC13-12 | Khả Phong | Kim Bảng | 0,86 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 26 | KB-HC13-14 | Liên Sơn | Kim Bảng | 0,28 | qh£, qh¤, t£ |
| 27 | KB-HC13-15 | Thi Sơn | Kim Bảng | 1,19 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 28 | KB-HC13-16 | Thanh Sơn | Kim Bảng | 1,68 | qh£, qh¤, qp, t¤, t£ |
| 29 | PL-HC13-01 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Kim Bình | Phủ Lý | 0,07 | qh£, qh¤, qp, t¤ | - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 30 | PL-HC13-02 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Tiên Tân | Phủ Lý | 0,88 | qh£, qh¤, qp, n | **+) Đối với tầng chứa nước qp, t2**:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 31 | PL-HC13-03 | Tiên Hiệp | Phủ Lý | 0,65 | qh£, qh¤, qp, t1, n |
| 32 | PL-HC13-04 | Tiên Hải | Phủ Lý | 0,48 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 33 | PL-HC13-05 | Lam Hạ | Phủ Lý | 1,30 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 34 | PL-HC13-06 | Quang Trung | Phủ Lý | 0,44 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 35 | PL-HC13-07 | Phù Vân | Phủ Lý | 0,80 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 36 | PL-HC13-08 | Lê Hồng Phong | Phủ Lý | 0,83 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 37 | PL-HC13-09 | Minh Khai | Phủ Lý | 0,18 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 38 | PL-HC13-10 | Lương Khánh Thiện | Phủ Lý | 0,12 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 39 | PL-HC13-11 | Liêm Chính | Phủ Lý | 1,69 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 40 | PL-HC13-12 | Trần Hưng Đạo | Phủ Lý | 0,11 | qh£, qh¤, qp |
| 41 | PL-HC13-13 | Hai Bà Trưng | Phủ Lý | 0,24 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 42 | PL-HC13-14 | Châu Sơn | Phủ Lý | 0,98 | qh£, qh¤, qp, t¤, t£ |
| 43 | PL-HC13-15 | Thanh Tuyền | Phủ Lý | 1,22 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 44 | PL-HC13-16 | Thanh Châu | Phủ Lý | 1,44 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 45 | PL-HC13-17 | Liêm Chung | Phủ Lý | 0,83 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 46 | PL-HC13-18 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Liêm Tiết | Phủ Lý | 0,72 | qh£, qh¤, qp, t1 | **+) Đối với tầng chứa nước qp**:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 47 | PL-HC13-19 |  | Trịnh Xá | Phủ Lý | 0,51 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 48 | PL-HC13-20 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Liêm Tuyền | Phủ Lý | 0,98 | qh£, qh¤, qp, t1 | **+) Đối với tầng chứa nước qp**:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 49 | PL-HC13-21 | Đinh Xá | Phủ Lý | 1,36 | qh£, qh¤, qp, t1, n |
| 50 | TL-HC13-01 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Liêm Phong | Thanh Liêm | 0,84 | qh£, qh¤, qp, t1 | **+) Đối với tầng chứa nước qp**:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 51 | TL-HC13-02 | Liêm Cần | Thanh Liêm | 0,92 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 52 | TL-HC13-03 | Thanh Hà | Thanh Liêm | 2,07 | qh£, qh¤, qp, t1 |
| 53 | TL-HC13-04 | Thanh Phong | Thanh Liêm | 1,07 | qh£, qh¤, t1 |
| 54 | TL-HC13-05 | Thanh Thủy | Thanh Liêm | 0,91 | qh£, qh¤, t2 |
| 55 | TL-HC13-06 | Kiện Khê | Thanh Liêm | 0,93 | qh£, qh¤, qp, t¤, t£ |
| 56 | TL-HC13-07 | Thanh Tân | Thanh Liêm | 1,44 | qh£, qh¤, t2 |
| 57 | TL-HC13-08 | Thanh Hương | Thanh Liêm | 0,77 | qh£, qh¤, t1 |
| 58 | TL-HC13-09 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Tân Thanh | Thanh Liêm | 0,33 | qh£, qh¤, t1 | **+) Đối với tầng chứa nước qh1,:**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 59 | TL-HC13-10 | Tân Thanh | Thanh Liêm | 0,20 | qh£, qh¤, t1 |
| 60 | TL-HC13-11 | Liêm Thuận | Thanh Liêm | 0,83 | qh£, qh¤, t1 |
| 61 | TL-HC13-12 | Liêm Túc | Thanh Liêm | 0,98 | qh£, qh¤, t1 |
| 62 | TL-HC13-13 | Liên Sơn | Thanh Liêm | 0,81 | qh£, qh¤, t1 |
| 63 | TL-HC13-14 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Thanh Tâm | Thanh Liêm | 0,42 | qh£, qh¤, t1 | **+) Đối với tầng chứa nước qh1, qh2:**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 64 | TL-HC13-15 | Thanh Nguyên | Thanh Liêm | 1,34 | qh£, qh¤, t1 |
| 65 | TL-HC13-16 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Thanh Hải | Thanh Liêm | 1,73 | qh£, qh¤, t¤, t£ | **+) Đối với tầng chứa nước qh1**:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 66 | TL-HC13-17 | Thanh Nghị | Thanh Liêm | 1,13 | qh£, qh¤, t¤, t£ |
| 67 | BL-HC13-01 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | An Lão | Bình Lục | 1,45 | qh£, qp, t£ | **+) Đối với tầng chứa nước qp:**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 68 | BL-HC13-02 | Tiêu Động | Bình Lục | 0,89 | qh£, qp, t£ |
| 69 | BL-HC13-03 | Trung Lương | Bình Lục | 0,67 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 70 | BL-HC13-04 | An Đổ | Bình Lục | 0,97 | qh£, qp, t£ |
| 71 | BL-HC13-05 | La Sơn | Bình Lục | 0,70 | qh£, qp, t£ |
| 72 | BL-HC13-06 | Bình Mỹ | Bình Lục | 0,69 | qh£, qp, t£ |
| 73 | BL-HC13-07 | Bình Mỹ | Bình Lục | 0,59 | qh£, qp, t£ |
| 74 | BL-HC13-08 | Bình Mỹ | Bình Lục | 0,53 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 75 | BL-HC13-09 | Đồn Xá | Bình Lục | 0,75 | qh£, qh¤, qp, t£ |
| 76 | BL-HC13-10 | Đồng Du | Bình Lục | 1,19 | qh£, qh¤, qp, t£, n |
| 77 | BL-HC13-11 | Tràng An | Bình Lục | 1,82 | qh£, qh¤, qp, n |
| 78 | BL-HC13-12 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Hưng Công | Bình Lục | 1,25 | qh£, qh¤, qp, n | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 79 | BL-HC13-13 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Bình Nghĩa | Bình Lục | 4,08 | qh£, qh¤, qp, n | **+) Đối với tầng chứa nước qp**:  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 80 | BL-HC13-14 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Bối Cầu | Bình Lục | 0,73 | qh£, qh¤, qp, t¤, n | 1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 81 | BL-HC13-15 | An Nội | Bình Lục | 1,10 | qh£, qh¤, qp, t¤, n |
| 82 | BL-HC13-16 | Vũ Bản | Bình Lục | 1,67 | qh£, qh¤, qp, t¤, n |
| 83 | BL-HC13-17 | Bồ Đề | Bình Lục | 1,99 | qh£, qh¤, qp, n |
| 84 | BL-HC13-18 | Ngọc Lũ | Bình Lục | 2,83 | qh£, qh¤, qp, n |
| 85 | BL-HC13-19 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | An Ninh | Bình Lục | 1,32 | qh£, qh¤, qp, n | **+) Đối với tầng chứa nước qp:**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 86 | LN-HC13-01 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Hòa Hậu | Lý Nhân | 3,15 | qh£, qh¤, qp, n | **+) Đối với tầng chứa nước qp, qh1:**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với tầng chứa nước còn lại:**  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 87 | LN-HC13-02 | Tiến Thắng | Lý Nhân | 2,08 | qh£, qh¤, qp, n |
| 88 | LN-HC13-03 | Phú Phúc | Lý Nhân | 2,37 | qh£, qh¤, qp, n |
| 89 | LN-HC13-04 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Nhân Mỹ | Lý Nhân | 1,04 | qh£, qh¤, qp, n | **+) Đối với tầng chứa nước qp, qh1:**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  -Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 90 | LN-HC13-05 | Xuân Khê | Lý Nhân | 1,35 | qh£, qh¤, qp, n |
| 91 | LN-HC13-06 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Nhân Bình | Lý Nhân | 0,81 | qh£, qh¤, qp, n | **+) Đối với tầng chứa nước qp, qh1:**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với tầng chứa nước còn lại:**  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 92 | LN-HC13-07 | Nhân Thịnh | Lý Nhân | 1,63 | qh£, qh¤, qp, n |
| 93 | LN-HC13-08 | Trần Hưng Đạo | Lý Nhân | 0,70 | qh£, qh¤, qp, n |
| 94 | LN-HC13-09 | Trần Hưng Đạo | Lý Nhân | 0,58 | qh£, qh¤, qp, n |
| 95 | LN-HC13-10 | Nhân Nghĩa | Lý Nhân | 0,58 | qh£, qh¤, qp, n |
| 96 | LN-HC13-11 | Nhân Chính | Lý Nhân | 2,33 | qh£, qh¤, qp, n |
| 97 | LN-HC13-12 | Nhân Khang | Lý Nhân | 1,35 | qh£, qh¤, qp, n |
| 98 | LN-HC13-13 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Vĩnh Trụ | Lý Nhân | 0,67 | qh£, qh¤, qp, n | **+) Đối với tầng chứa nước qp:**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  -Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 99 | LN-HC13-14 | Vĩnh Trụ | Lý Nhân | 0,55 | qh£, qh¤, qp, n |
| 100 | LN-HC13-15 | Đức Lý | Lý Nhân | 1,41 | qh£, qh¤, qp, n |
| 101 | LN-HC13-16 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Bắc Lý | Lý Nhân | 1,05 | qh£, qh¤, qp, n | **+) Đối với tầng chứa nước qp, qh1:**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với tầng chứa nước còn lại:**  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 102 | LN-HC13-17 | Chân Lý | Lý Nhân | 2,23 | qh£, qh¤, qp, n |
| 103 | LN-HC13-18 | Đạo Lý | Lý Nhân | 0,89 | qh£, qh¤, qp, n |
| 104 | LN-HC13-19 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Nguyên Lý | Lý Nhân | 1,85 | qh£, qh¤, qp, n | **+) Đối với tầng chứa nước qp:**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên.  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  2. Đối với khu vực liền kề 1000m tính từ đường biên khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên  -Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 105 | LN-HC13-20 | Vùng hỗn hợp giữa vùng có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước. | Công Lý | Lý Nhân | 2,03 | qh£, qh¤, qp, n | **+) Đối với tầng chứa nước qp:**  - Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định hiện hành về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.  **+) Đối với các tầng chứa nước khác:**  - Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.  - Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:  *Công trình không có giấy phép:*  Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;  *Công trình có giấy phép:*  Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. |
| 106 | LN-HC13-21 | Chính Lý | Lý Nhân | 3,88 | qh£, qh¤, qp, n |
| 107 | LN-HC13-22 | Văn Lý | Lý Nhân | 1,75 | qh£, qh¤, qp, n |
| 108 | LN-HC13-23 | Hợp Lý | Lý Nhân | 1,97 | qh£, qh¤, qp, n |